

CÔNG TY TNHH MTV 27/7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

PHẦN MỞ ĐẦU

01 - 02

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CÔNG TY TNHH MTV 27/7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
đã được kiểm toán

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

03 - 04

Bảng cân đối kế toán

05 - 06

Bảng lợi nhuận

07 - 08

Bảng báo cáo chi phí sản xuất

09 - 10

Bảng báo cáo tình hình biến động vốn

11 - 12



CÔNG TY TNHH MTV THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
133 Đường Nguyễn Huệ, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

**CÔNG TY TNHH MTV 27/7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
đã được kiểm toán



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV 27/7 Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát

Công ty TNHH MTV 27/7 Thành phố Hồ Chí Minh (tên viết tắt là “27/7 HCMC CO., LTD”) được chuyển đổi từ Công ty 27/7 (Công ty 27/7 được đổi tên từ Xí nghiệp 27-7 - là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội TP. Hồ Chí Minh, thành lập theo Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 12 tháng 04 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh - theo Quyết định số 6088/QĐ-UBKT ngày 13 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000128, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 1995, đăng ký thay đổi lần thứ 20 vào ngày 06 tháng 03 năm 2009) theo Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH MTV 27/7 thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300514013, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 30 tháng 05 năm 2019.

Giấy phép sản xuất thuốc lá số 153/GP-BCT ngày 14 tháng 05 năm 2020 do Bộ Công Thương cấp, có giá trị đến hết ngày 14 tháng 05 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm thuốc lá – Chi tiết: Thuốc lá bao;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu – Chi tiết: Kinh doanh đồ gỗ trang trí nội thất, hóa chất các loại. Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện – Chi tiết: Chế biến các sản phẩm từ gỗ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan – Chi tiết: Mua bán xăng dầu, nhớt, mỡ;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp – Chi tiết: Dịch vụ rửa xe;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động – Chi tiết: Dịch vụ ăn uống. Kinh doanh ăn uống trong nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở công ty);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê – Chi tiết: Dịch vụ cho thuê văn phòng làm việc. Kinh doanh nhà. Mua bán, cho thuê nhà xưởng (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa – Chi tiết: Dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh – Chi tiết: Sản xuất rượu các loại;
- Sản xuất rượu vang – Chi tiết: Sản xuất bia các loại;
- Bán buôn đồ uống – Chi tiết: Kinh doanh rượu bia các loại. Bán buôn đồ uống;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày – Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở công ty);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch – Chi tiết: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;

5213
CÔNG
TH NIỆ
CH VỤ
CHÍNH
KIỂM
NAM V
TP. H

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo – Chi tiết: Mua bán nguyên phụ liệu thuốc lá. Bán buôn sản phẩm thuốc lá điều nội, thuốc láo;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) – Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách bằng taxi;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ – Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh – Chi tiết: Bán lẻ thuốc lá điều nội, thuốc láo;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ – Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá điều nội, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ...

Trụ sở chính của Công ty tại số 153 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Thành viên

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	
Ông Lê Văn Anh	Chủ tịch	31/12/2013	QĐ số 345/QĐ-UBND-TC
		31/12/2018	QĐ số 98/QĐ-UBND-TC
Ông Huỳnh Minh Đạo	Thành viên	21/08/2017	

Ban Giám đốc và kế toán trưởng

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Minh Đạo	Giám đốc	25/10/2017
Ông Đỗ Nguyên Hoài	Phó Giám đốc	29/02/2016
Bà Phạm Thị Thúy Kiều	Phó Giám đốc	01/08/2019
Bà Nguyễn Thị Thuận Yến	Trưởng phòng kế toán	01/08/2019

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	
Bà Nguyễn Thị Huệ	Kiểm soát viên	14/04/2016	QĐ số 78/QĐ-UBND-TC
		14/04/2019	QĐ số 1853/QĐ-UBND
		Ngày miễn nhiệm	
		01/11/2020	QĐ số 4058/QĐ-UBND

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Minh Đạo Giám đốc



CÔNG TY TNHH MTV 27/7 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
153 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 07 đến trang 34 và cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV 27/7 Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

TP.HCM, ngày 24 tháng 01 năm 2022
Thay mặt Hội đồng thành viên
Chủ tịch



LÊ VĂN ANH

TP.HCM, ngày 24 tháng 01 năm 2022
Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

HUỖNH MINH ĐẠO

Số: 21 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch, Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV 27/7 Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH MTV 27/7 Thành phố Hồ Chí Minh, được lập ngày 24/01/2022, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. Tài sản ngắn hạn	100		16.565.668.675	14.224.271.434
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.110.811.051	6.077.118.908
1. Tiền	111	V.01	4.011.705.039	1.965.949.708
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.099.106.012	4.111.169.200
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.833.621.786	3.013.901.602
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	397.472.711	1.342.505.375
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	559.274.000	98.513.600
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	3.774.389.431	3.470.396.983
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(1.897.514.356)	(1.897.514.356)
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	6.149.645.136	4.846.027.912
1. Hàng tồn kho	141		6.149.645.136	4.846.027.912
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		471.590.702	287.223.012
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	17.669.706	6.666.668
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.11	453.920.996	280.556.344
B. Tài sản dài hạn	200		12.753.615.978	16.220.466.046
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.734.191.251	14.967.944.655
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	11.734.191.251	14.967.944.655
- Nguyên giá	222		88.918.889.441	88.706.669.441
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.184.698.190)	(73.738.724.786)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.000.000.000	1.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		19.424.727	252.521.391
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	19.424.727	252.521.391
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		29.319.284.653	30.444.737.480

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. Nợ phải trả	300		17.524.949.335	16.222.515.760
I. Nợ ngắn hạn	310		15.235.395.232	14.037.961.657
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	454.814.624	1.924.877.640
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		449.802.725	369.300.000
3. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	313	V.11	2.715.724.712	607.313.543
4. Phải trả người lao động	314		224.022.042	75.742.859
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	111.633.160	132.121.880
6. Phải trả nội bộ	317		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	5.809.319.195	5.458.526.961
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	5.264.472.450	5.264.472.450
9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		205.606.324	205.606.324
II. Nợ dài hạn	330		2.289.554.103	2.184.554.103
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	2.165.000.000	2.060.000.000
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		124.554.103	124.554.103
D. Vốn chủ sở hữu	400		11.794.335.318	14.222.221.720
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	11.794.335.318	14.222.221.720
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.782.810.078	38.782.810.078
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(26.988.474.760)	(24.560.588.358)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(24.560.588.358)	(22.072.280.044)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.427.886.402)	(2.488.308.314)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		29.319.284.653	30.444.737.480

Người lập biểu

Trưởng phòng kế toán

Giám đốc







Bùi Thị Liễu

Nguyễn Thị Thuận Yến

Huỳnh Minh Đạo

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		47.118.608.100	49.945.763.361
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	47.118.608.100	49.945.763.361
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	40.505.030.369	43.238.661.523
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.613.577.731	6.707.101.838
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	124.470.157	245.465.797
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	442.215.684	442.262.257
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		442.215.684	442.215.684
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	1.004.416.631	1.689.385.209
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	6.672.403.797	6.593.628.136
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.380.988.224)	(1.772.707.967)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	52.337.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.08	1.099.235.178	715.600.347
13. Lợi nhuận khác	40		(1.046.898.178)	(715.600.347)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.427.886.402)	(2.488.308.314)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.427.886.402)	(2.488.308.314)

Người lập biểu

Trưởng phòng kế toán

Giám đốc



Bùi Thị Liễu

Nguyễn Thị Thuận Yến

Huyền Minh Đạo

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(2.427.886.402)	(2.488.308.314)
2. Điều chỉnh các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.445.973.404	3.555.114.604
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(124.470.157)	(245.465.797)
- Chi phí lãi vay	06	442.215.684	442.215.684
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.335.832.529	1.263.556.177
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.915.164	4.134.274.692
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.303.617.224)	(556.129.380)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	860.217.891	(3.485.615.380)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	222.093.626	238.723.243
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(390.327)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.121.441.986	1.594.419.025
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(212.220.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	124.470.157	245.465.797
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(87.749.843)	245.465.797

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.033.692.143	1.839.884.822
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.077.118.908	4.237.234.086
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.110.811.051	6.077.118.908

Người lập biểu

Bùi Thị Liễu

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thị Thuận Yến

Giám đốc



Huỳnh Minh Đạo

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV 27/7 Thành phố Hồ Chí Minh (tên viết tắt là “27/7 HCMC CO., LTD”) được chuyển đổi từ Công ty 27/7 (Công ty 27/7 được đổi tên từ Xí nghiệp 27-7 - là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội TP. Hồ Chí Minh, thành lập theo Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 12 tháng 04 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh - theo Quyết định số 6088/QĐ-UBKT ngày 13 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000128, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 1995, đăng ký thay đổi lần thứ 20 vào ngày 06 tháng 03 năm 2009) theo Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH MTV 27/7 thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300514013, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 30 tháng 05 năm 2019.

Giấy phép sản xuất thuốc lá số 153/GP-BCT ngày 14 tháng 05 năm 2020 do Bộ Công Thương cấp, có giá trị đến hết ngày 14 tháng 05 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại số 153 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 82 người (số đầu năm là 57 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm thuốc lá – Chi tiết: Thuốc lá bao;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu – Chi tiết: Kinh doanh đồ gỗ trang trí nội thất, hóa chất các loại. Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện – Chi tiết: Chế biến các sản phẩm từ gỗ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan – Chi tiết: Mua bán xăng dầu, nhớt, mỡ;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp – Chi tiết: Dịch vụ rửa xe;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động – Chi tiết: Dịch vụ ăn uống. Kinh doanh ăn uống trong nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở công ty);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê – Chi tiết: Dịch vụ cho thuê văn phòng làm việc. Kinh doanh nhà. Mua bán, cho thuê nhà xưởng (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa – Chi tiết: Dịch vụ cho thuê kho bãi;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh – Chi tiết: Sản xuất rượu các loại;
- Sản xuất rượu vang – Chi tiết: Sản xuất bia các loại;
- Bán buôn đồ uống – Chi tiết: Kinh doanh rượu bia các loại. Bán buôn đồ uống;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày – Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở công ty);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch – Chi tiết: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào – Chi tiết: Mua bán nguyên phụ liệu thuốc lá. Bán buôn sản phẩm thuốc lá điều nội, thuốc lào;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) – Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách bằng taxi;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ – Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh – Chi tiết: Bán lẻ thuốc lá điều nội, thuốc lào;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ – Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá điều nội, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có công ty con sau:

Tên công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Sản xuất Chế biến Nguyên phụ liệu Thuốc lá Sài Gòn	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào.	1.000	100%

Các đơn vị trực thuộc:

STT	Tên	Địa chỉ
1	Khu Du lịch Sinh thái Biển Hòn Ngọc Phương Nam	Xã Long Hòa, huyện Cần Giờ, TP.Hồ Chí Minh
2	Chi nhánh Công ty TNHH MTV 27/7 TP HCM – Trung tâm Hội nghị Tiệc cưới Moon Palace	624 Kha Vạn Cân, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh
3	Xí nghiệp Xây dựng 27/7	7/125B Ấp Cây Dầu, Phường Tân Phú, Quận TP.Hồ Chí Minh
4	Trạm Kinh doanh Xăng dầu 27/7	6/8 Kha Vạn Cân, Phường Linh Đông, Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh
5	Nhà máy Thuốc lá 27/7	52/5 Dương Công Khi, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

6	Xí nghiệp In 27/7	73 Trần Bình Trọng, Phường 1, Quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh
7	Xí nghiệp Sản xuất hàng Thủ công mỹ nghệ 27/7	52/5 Dương Công Khi, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh
8	Chi nhánh Công ty 27/7 – Xí nghiệp sản xuất hàng Thủ công mỹ nghệ 27/7	153 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh
9	Nhà máy Sản xuất Rượu Bia 27/7	73 Trần Bình Trọng, Phường 1, Quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh
10	Trung tâm 727	160 Đại lộ 3, Phường Phước Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh
11	Chi nhánh Công ty TNHH MTV 27/7 TP HCM	Tổ 4, Thôn Cây Da, xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Trong năm Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính riêng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản thì tỷ giá áp dụng là tỷ giá mua ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm : tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển .

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (06) tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn khác.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Dụng cụ quản lý	03 – 10 năm

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

2138
CÔNG T
NHIỆM B
I VỤ T
ỨNG K
KIỂM T
AM VI
P. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

140
PH
MI
4-C.T
TU HAN
VAN
TOAN
AN
I
CHI MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán riêng khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Ảnh hưởng của Covid-19

Sự bùng phát của đại dịch Virus Corona 2019 ("Covid-19") từ tháng 03 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	966.006.025	731.864.454
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.045.699.014	1.234.085.254
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	3.099.106.012	4.111.169.200
Cộng	7.110.811.051	6.077.118.908

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

2. Phải thu của khách hàng	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	397.472.711	1.342.505.375
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Sản xuất	313.892.521	1.252.455.375
Chế biến Nguyên phụ liệu Thuốc lá Sài Gòn		
Công ty Cổ phần Vua Nệm	42.317.670	50.050.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	41.262.520	40.000.000
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Sản xuất	313.892.521	1.252.455.375
Chế biến Nguyên phụ liệu Thuốc lá Sài Gòn		
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	559.274.000	98.513.600
Công ty TNHH Luật MTV Sài Gòn - Hà Nội	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Sản xuất		
Chế biến Nguyên phụ liệu Thuốc lá Sài Gòn	504.274.000	-
Trả trước cho nhà cung cấp khác	5.000.000	48.513.600
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Sản xuất	504.274.000	-
Chế biến Nguyên phụ liệu Thuốc lá Sài Gòn		
4. Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu tạm ứng cán bộ nhân viên	405.000.000	220.000.000
Truy thu tiền lương nhân viên quản lý năm 2016	80.722.933	80.722.933
Phải thu tiền trả lãi vượt quy định (*)	438.080.572	438.080.572
Phải thu tiền lương TCMN của Công ty TNHH MTV SX DV TM XNK Nam Quốc	1.897.514.356	1.897.514.356
Phải thu người lao động tiền khen thưởng phúc lợi đã chi	735.001.548	735.001.548
Phải thu Chi cục Tài chính - lương KSV 2018	78.120.000	78.120.000
Phải thu BHXH, KPCĐ	21.082.278	10.246.274
Các khoản phải thu khác	118.867.744	10.711.300
Cộng	3.774.389.431	3.470.396.983

(*) Là khoản tiền trả lãi vượt quy định mà Công ty trả thay cho các đối tượng cho vay trong năm 2012. Số tiền này Công ty phải có trách nhiệm thu hồi. Theo Biên bản kiểm tra báo cáo tài chính năm 2012 của Chi cục Tài chính doanh nghiệp ngày 07/10/2014, thì khoản này thuộc trách nhiệm của ông Nguyễn Hoàng Viễn. Công ty đang tiếp tục thu hồi theo QĐ thanh tra số 40/KL-TTTP-P8 ngày 26/11/2018.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.897.514.356	(1.897.514.356)	1.897.514.356	(1.897.514.356)
Phải thu tiền lương TCMN của Công ty TNHH MTV SX DV TM XNK Nam Quốc	1.897.514.356	(1.897.514.356)	1.897.514.356	(1.897.514.356)
Các khoản phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	1.897.514.356	(1.897.514.356)	1.897.514.356	(1.897.514.356)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.902.481.698	-	1.905.529.541	-
Công cụ dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	2.745.293.582	-	2.424.341.419	-
Hàng hóa	501.869.856	-	516.156.952	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	6.149.645.136	-	4.846.027.912	-

7. Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	17.669.706	6.666.668
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	17.669.706	6.666.668
Chi phí bảo hiểm	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	-
b) Dài hạn	19.424.727	252.521.391
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	-
Chi phí sửa chữa	19.424.727	252.521.391
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	37.094.433	259.188.059

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	35.030.356.696	50.314.846.486	2.953.462.754	408.003.505	88.706.669.441
Số tăng trong năm	-	212.220.000	-	-	212.220.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	212.220.000	-	-	212.220.000
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	35.030.356.696	50.527.066.486	2.953.462.754	408.003.505	88.918.889.441
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	24.063.933.102	46.663.831.551	2.602.956.628	408.003.505	73.738.724.786
Số tăng trong năm	1.659.042.801	1.704.407.762	82.522.841	-	3.445.973.404
- Khấu hao trong năm	1.659.042.801	1.704.407.762	82.522.841	-	3.445.973.404
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	25.722.975.903	48.368.239.313	2.685.479.469	408.003.505	77.184.698.190

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình

Tại ngày đầu năm	10.966.423.594	3.651.014.935	350.506.126	-	14.967.944.655
Tại ngày cuối năm	9.307.380.793	2.158.827.173	267.983.285	-	11.734.191.251

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 31/12/2021 01/01/2021
16.751.954.333 15.610.822.224

(*) Nguyên giá Nhà hàng Phương Nam Cần Giờ là 9.300.000.000 đồng, hiện đang ngưng hoạt động từ tháng 4/2015 và đang tranh chấp khởi kiện ra tòa.

(*) Trong nguyên giá nhà cửa vật kiến trúc có khoản chi phí sang nhượng quyền sử dụng đất tại 52/5 đường Dương Công Khi, xã Xuân Thới Sơn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh số tiền là: 2.696.475.900 đồng.



CÔNG TY TNHH MTV 27/7 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 153 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021			01/01/2021				
	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Đầu tư vào công ty con + Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Sản xuất Chế biến Nguyên phụ liệu Thuốc lá Sài Gòn (*)	100%	1.000.000.000	1.000.000.000	-	100%	1.000.000.000	1.000.000.000	-
b) Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng		1.000.000.000	1.000.000.000	-		1.000.000.000	1.000.000.000	-

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 4104000029 ngày 06/12/2001 số mới 0302480017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 08/11/2017, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV DV SX Chế biến Nguyên phụ liệu Thuốc lá Sài Gòn với số tiền 1.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.



CÔNG TY TNHH MTV 27/7 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
153 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
10. Phải trả người bán				
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV DV Công nghiệp và Thuốc lá Bình Dương	454.814.624	454.814.624	1.924.877.640	1.924.877.640
CN Long An - Tổng Công ty TM Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần	-	-	882.402.459	882.402.459
Công ty TNHH SX TM DV Lộc Gia Bảo.	446.614.674	446.614.674	449.004.911	449.004.911
Phải trả các đối tượng khác	8.199.950	8.199.950	239.739.500	239.739.500
			353.730.770	353.730.770
b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Không phát sinh				
11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước				
	Trong năm		31/12/2021	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	106.467.946	1.997.924.889	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	393.162.643	11.295.957.269	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	207.345.449	-	-	207.345.449
Thuế thu nhập cá nhân	73.210.895	-	6.941.934	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	1.610.711.208	-
Các loại thuế khác	-	-	41.881.911	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	107.682.954	28.717.504	-
Cộng	280.556.344	607.313.543	14.982.134.715	453.920.996
				2.715.724.712



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí nhà máy thuốc lá	22.233.160	52.121.880
Chi phí phải trả khác	89.400.000	80.000.000
Cộng	111.633.160	132.121.880

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.809.319.195	5.458.526.961
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	613.859
Phải trả tiền mượn	-	-
+ Ông Võ Chế Chương	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Ông Dương Quang Sang	130.000.000	200.000.000
Quỹ phòng chống tác hại Thuốc Lá	3.167.348	9.876.939
Lãi vay phải trả bà Tống Nguyễn Diễm Hồng	3.128.942.196	2.686.726.512
Lãi chậm trả chi phí bồi thường theo thông báo thi hành án	444.209.651	454.209.651
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	103.000.000	107.100.000
b) Dài hạn	2.165.000.000	2.060.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
+ Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thiên Tú	65.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Vua Nêm	60.000.000	60.000.000
+ Bà Võ Thị By Vy	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Ông Dương Quang Khải	40.000.000	-
Các đối tượng khác	-	-
Cộng	7.974.319.195	7.518.526.961

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	5.264.472.450	5.264.472.450	-	-	5.264.472.450	5.264.472.450
Vay ngân hàng	-	-	-	-	-	-
Vay cá nhân (*)	5.264.472.450	5.264.472.450	-	-	5.264.472.450	5.264.472.450
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	5.264.472.450	5.264.472.450	-	-	5.264.472.450	5.264.472.450

(*) Vay ngắn hạn của Bà Tổng Nguyễn Diễm Hồng theo Giấy nhận nợ số 01/GNNV-2014 ngày 06 tháng 11 năm 2014, với số tiền là 7.242.112.450 đồng, thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2014. Lãi suất vay: 8,4%/năm. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Tuy nhiên, khoản vay này đang phát sinh các tranh chấp giữa Bà Tổng Nguyễn Diễm Hồng với Công ty nên mỗi tháng Công ty trả gốc vay 50.000.000 đồng và chưa trả lãi vay. Từ năm 2020 đến nay, Công ty chưa thanh toán khoản gốc vay hàng tháng cho bà Hồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY TNHH MTV 27/7 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
153 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			Tỷ lệ	01/01/2021
		Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
Số dư đầu năm trước		38.782.810.078	(22.072.280.044)		16.710.530.034
Tăng trong năm					-
Giảm trong năm			(2.488.308.314)		(2.488.308.314)
Lãi/(Lỗ) trong năm		38.782.810.078	(24.560.588.358)		14.222.221.720
Số dư cuối năm trước		38.782.810.078	(24.560.588.358)		14.222.221.720
Số dư đầu năm nay					-
Tăng trong năm			(2.427.886.402)		(2.427.886.402)
Giảm trong năm					-
Lãi/(Lỗ) trong năm		38.782.810.078	(26.988.474.760)		11.794.335.318
Số dư cuối năm nay		38.782.810.078	(26.988.474.760)		11.794.335.318

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2021		Tỷ lệ	01/01/2021
		Vốn điều lệ	Vốn thực góp		
Vốn góp của Nhà nước	100%	40.343.000.000	38.782.810.078	100%	38.782.810.078
Vốn góp của các đối tượng khác	0%	-	-	0%	-
Cộng	100%	40.343.000.000	38.782.810.078	100%	38.782.810.078

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	38.782.810.078	38.782.810.078
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	38.782.810.078	38.782.810.078

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.118.608.100	49.945.763.361
a) Doanh thu		
Doanh thu bán thuốc lá	18.172.007.197	15.001.341.928
Doanh thu bán xăng dầu	20.686.692.888	20.932.609.080
Doanh thu bán thành phẩm rượu	678.962.389	1.703.706.249
Doanh thu bán thành phẩm thủ công mỹ nghệ	-	978.465.418
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	-	1.017.863.778
Doanh thu bao bì	-	-
Doanh thu may gia công	-	1.591.661.483
Doanh thu ăn uống nhà hàng Thủ Đức	2.689.271.818	4.843.317.500
Doanh thu hoạt động khác	4.891.673.808	3.876.797.925
b) Doanh thu với các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Sản xuất Chế biến Nguyên phụ liệu Thuốc lá Sài Gòn	14.261.106.809	15.979.626.166
2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán thuốc lá	19.126.698.069	17.188.671.048
Giá vốn bán xăng dầu	18.998.356.103	19.486.798.482
Giá vốn bán thành phẩm rượu	640.256.006	1.673.484.193
Giá vốn bán thành phẩm thủ công mỹ nghệ	-	152.212.000
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	-	1.020.903.949
Giá vốn bao bì	-	-
Giá vốn may gia công	-	884.515.449
Giá vốn ăn uống nhà hàng Thủ Đức	1.347.524.435	2.588.672.782
Giá vốn hoạt động khác	392.195.756	243.403.620
Cộng	40.505.030.369	43.238.661.523
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	124.470.157	113.348.281
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	132.117.516
Cộng	124.470.157	245.465.797

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	442.215.684	442.215.684
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	46.573
Cộng	442.215.684 ✓	442.262.257
5. Chi phí bán hàng	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	371.406.250	1.193.670.968
Chi phí khấu hao	53.951.537	58.357.296
Quỹ phòng chống tác hại thuốc lá	290.439.468	82.319.172
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.514.615	135.840.455
Chi phí khác bằng tiền	233.104.761	219.197.318
Cộng	1.004.416.631 ✓	1.689.385.209
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	2.862.258.597	2.802.936.809
Chi phí khấu hao	790.429.017	813.158.101
Thuế, phí và lệ phí	1.441.417.633	798.418.619
Chi phí dịch vụ mua ngoài	763.421.233	739.698.796
Chi phí khác bằng tiền	814.877.317	1.439.415.811
Cộng	6.672.403.797 ✓	6.593.628.136
7. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Thu nhập khác	52.337.000	-
Cộng	52.337.000	-
8. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế giá trị gia tăng bị truy thu	-	56.690.473
Chi phí tiền thuê đất	-	47.995.209
Chi phí phạt vi phạm hành chính	28.717.504	60.492.615
Lãi chậm trả chi phí bồi thường theo thông báo thi hành án	-	454.209.651
Chi phí do ảnh hưởng dịch Covid-19	1.070.517.674	-
Chi phí khác	-	96.212.399
Cộng	1.099.235.178 ✓	715.600.347

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.427.886.402)	(2.488.308.314)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	678.717.508	1.128.797.073
- Các khoản điều chỉnh tăng	678.717.508	1.260.914.589
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	678.717.508	1.260.914.589
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(132.117.516)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(132.117.516)
+ Thu nhập đã chịu thuế năm trước	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(1.749.168.894)	(1.359.511.241)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên TN chịu thuế năm hiện hành	-	-

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.010.416.110	7.278.839.774
Chi phí nhân công	5.308.236.829	6.066.951.180
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.887.227.923	3.458.902.285
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.097.394.433	3.340.714.886
Chi phí khác bằng tiền	1.640.169.593	2.333.484.107
Tổng cộng	25.943.444.888 ✓	22.478.892.232

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	707.018.182	829.952.577

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH MTV TM DV SX Chế biến Nguyên phụ liệu Thuốc lá Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu bán hàng Mua nguyên vật liệu	14.261.106.809 7.917.580.000

Cho đến ngày 31/12/2021, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)
Công ty TNHH MTV TM DV SX Chế biến Nguyên phụ liệu Thuốc lá Sài Gòn	Công ty con	Phải thu khách hàng Trả trước cho người bán	313.892.521 504.274.000

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Các thành phẩm rượu và thuốc lá của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của Công ty như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần trong nước	47.118.608.100	49.001.783.361
Doanh thu thuần xuất khẩu	-	943.980.000

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính là bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần	39.537.662.474	7.580.945.626	47.118.608.100
Giá vốn hàng bán	38.765.310.178	1.739.720.191	40.505.030.369
Lợi nhuận gộp	772.352.296	5.841.225.435	6.613.577.731
Năm trước			
Doanh thu thuần	39.633.986.453	10.311.776.908	49.945.763.361
Giá vốn hàng bán	39.522.069.672	3.716.591.851	43.238.661.523
Lợi nhuận gộp	111.916.781	6.595.185.057	6.707.101.838

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.110.811.051 ✓	-	6.077.118.908	-
Phải thu khách hàng	397.472.711	-	1.342.505.375	-
Phải thu khác	3.753.307.153	(1.897.514.356)	3.460.150.709	(1.897.514.356)
Cộng	11.261.590.915 ✓	(1.897.514.356)	10.879.774.992	(1.897.514.356)
			Giá trị ghi sổ	
			31/12/2021	01/01/2021
Công nợ tài chính				
Các khoản vay			5.264.472.450	5.264.472.450
Phải trả người bán			454.814.624	1.924.877.640
Phải trả khác			5.809.319.195	5.458.526.961
Chi phí phải trả			111.633.160	132.121.880
Cộng			11.640.239.429 /	12.779.998.931

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Tài sản đảm bảo

Tại thời điểm 31/12/2021 Công ty không thế chấp tài sản cố định và Công ty cũng không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	11.640.239.429	-	11.640.239.429
Các khoản vay	5.264.472.450	-	5.264.472.450
Phải trả người bán	454.814.624	-	454.814.624
Chi phí phải trả	111.633.160	-	111.633.160
Phải trả khác	5.809.319.195	-	5.809.319.195
Số đầu năm	12.779.998.931	-	12.779.998.931
Các khoản vay	5.264.472.450	-	5.264.472.450
Phải trả người bán	1.924.877.640	-	1.924.877.640
Chi phí phải trả	132.121.880	-	132.121.880
Phải trả khác	5.458.526.961	-	5.458.526.961

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2021 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

10. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

11. Thông tin khác

Giấy phép sản xuất thuốc lá số 153/GP-BCT ngày 14 tháng 05 năm 2020 do Bộ Công Thương cấp, có giá trị đến hết ngày 14 tháng 05 năm 2025.

Người lập biểu

Bùi Thị Liễu

Trưởng phòng kế toán

Nguyễn Thị Thuận Yến

Giám đốc



Huỳnh Minh Đạo

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2022